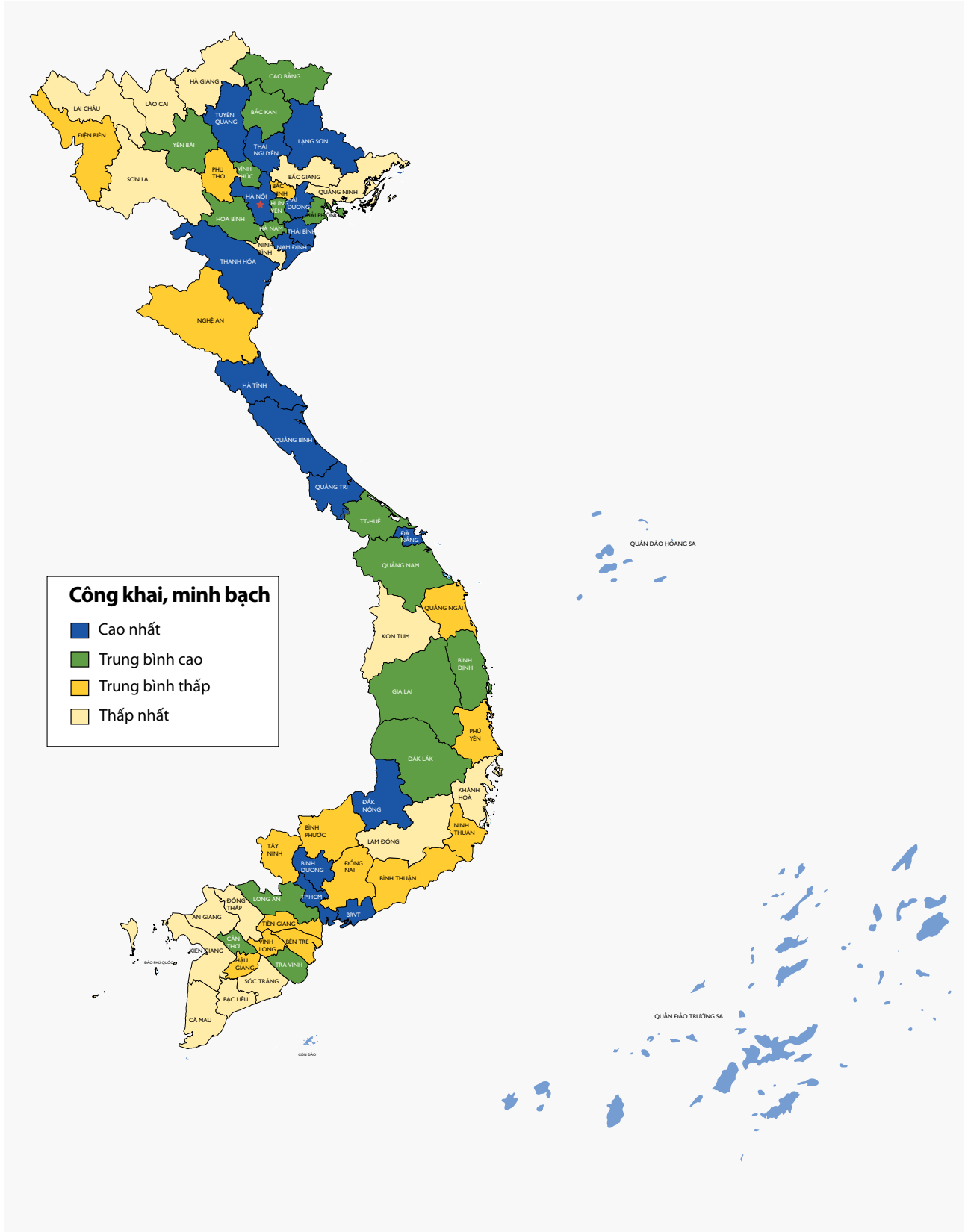


## TRỤC NỘI DUNG 2: CÔNG KHAI, MINH BẠCH

**Bản đồ 3.2: Công khai, minh bạch ở cấp tỉnh phân theo 4 cấp độ hiệu quả**



**Từ năm 2011 đến nay, Chỉ số PAPI cho thấy có sự gia tăng đáng kể về mức độ công khai, minh bạch, với mức gia tăng về điểm qua ba năm đạt 6%.**

Chỉ số PAPI đo lường “quyền được biết” về chính sách của nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ tham gia quản trị đời sống và sinh kế của người dân. Trục nội dung 2 đo lường ‘Công khai, minh bạch’ thông qua ba chỉ số thành phần (i) công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; (ii) công khai, minh bạch ngân sách cấp xã; và (iii) công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù. Đây là ba lĩnh vực cụ thể cần được công khai, minh bạch theo quy định của Pháp lệnh THDCCS, trên tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Từ năm 2011 đến nay, Chỉ số PAPI cho thấy có sự gia tăng đáng kể về mức độ công khai, minh bạch, với mức gia tăng về điểm qua ba năm đạt 6%, từ 5,47 điểm lên 5,8 điểm (xem Bảng 1.1, Chương 1). Đóng góp lớn nhất cho mức gia tăng điểm trên là nhờ có sự gia tăng về điểm ở mức 7,52% trong ba năm qua ở chỉ số thành phần ‘công khai, minh bạch về quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù’ khi so với mức 1,56 điểm trong năm 2011 (chỉ số thành phần này cũng tăng 3,13% điểm trong năm 2012 so với năm 2011). Hai chỉ số thành phần ‘công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo’ và ‘công khai, minh bạch ngân sách cấp xã/phường’ tăng ở mức tương ứng là 5,67% và 5,13% so với năm 2011.

**Mức độ công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù còn nhiều hạn chế.**

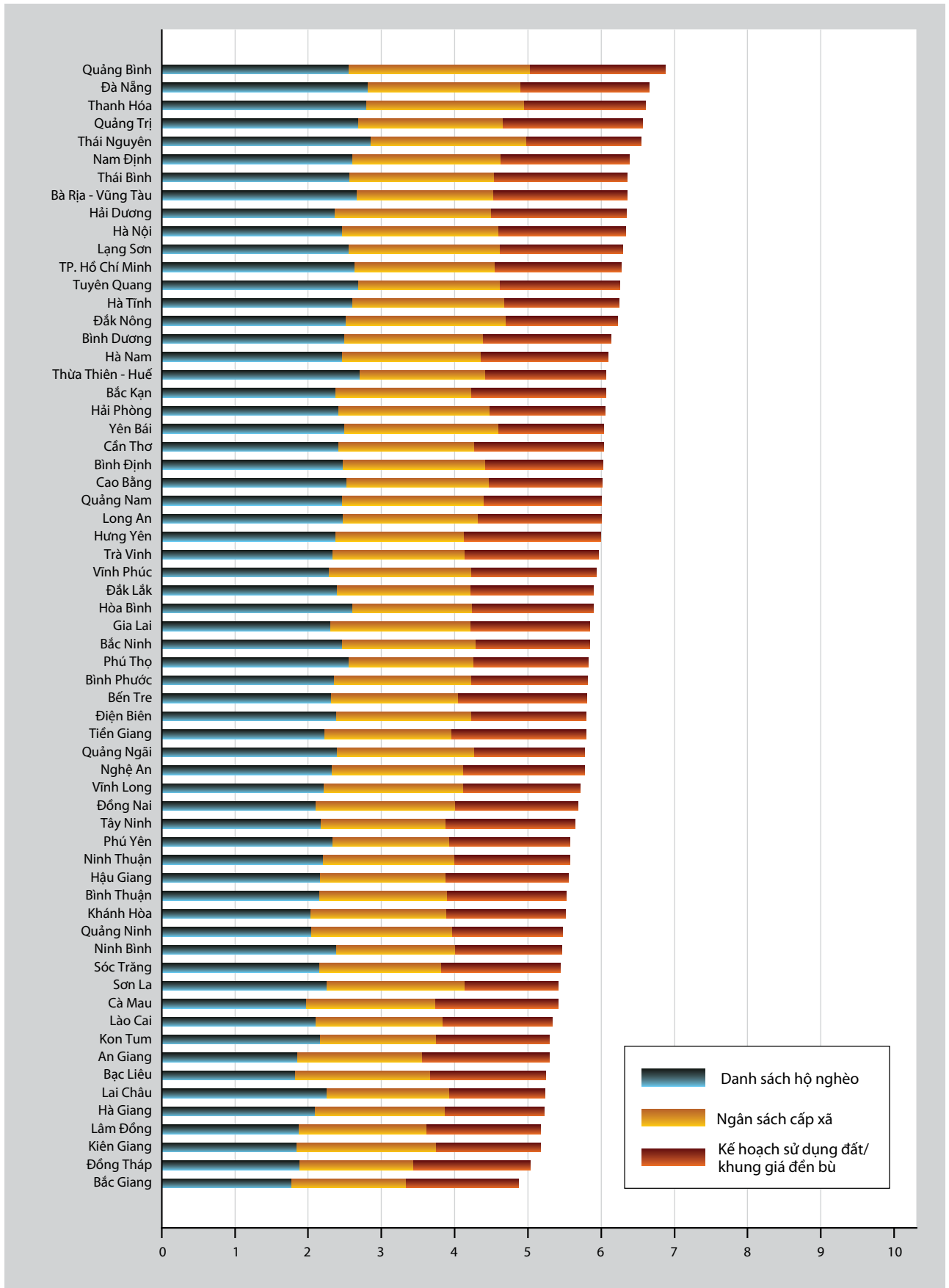
Ở cấp tỉnh, Quảng Bình đứng đầu bảng ở Trục nội dung 2, đạt 6,87 điểm trong năm 2013, trong khi Bắc Giang đứng cuối bảng với 4,88 điểm. Biểu đồ 3.2a biểu thị ước lượng điểm của 63 tỉnh/thành phố trên toàn quốc. So với toàn quốc, tỉnh Quảng Bình nổi bật hơn hẳn. Đà Nẵng, Quảng Trị, Thái Nguyên và Thanh Hóa cũng thuộc về nhóm 5 địa phương đứng đầu. Trong nhóm này, Quảng Bình và Quảng Trị cũng là hai địa phương đứng đầu Trục nội dung 2 trong năm 2012; Thái Nguyên và Thanh Hóa là những địa phương mới vươn lên. Những địa phương có số điểm thấp nhất là Bắc Giang, Đồng Tháp, Hà Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng. Đáng lưu ý, Kiên Giang vẫn là một trong số năm tỉnh liên tục đứng cuối trong ba năm. Tỉnh Bắc Giang có sự sụt giảm về điểm lớn nhất trong ba năm qua.

Ở Biểu đồ 3.2a, nội dung thành phần ‘công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù’ được biểu thị qua thành phần cấu thành Trục nội dung 2. Điều đó cho thấy mức độ công khai, minh bạch quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất đền bù còn nhiều hạn chế. Ngược lại, người dân được thông tin đầy đủ hơn về danh sách hộ nghèo và cách thức thiết lập danh sách hộ nghèo. Trên thang điểm từ 0,33-3,33, chỉ số thành phần về ‘công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo’ đạt điểm khá với 2,28 điểm, cao hơn nhiều so với điểm ở chỉ số thành phần ‘công khai, minh bạch về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất’ (1,68 điểm) (xem Bảng 3.2). Chỉ số thành phần về công khai thu chi ngân sách cấp xã/phường đạt 1,85 điểm.

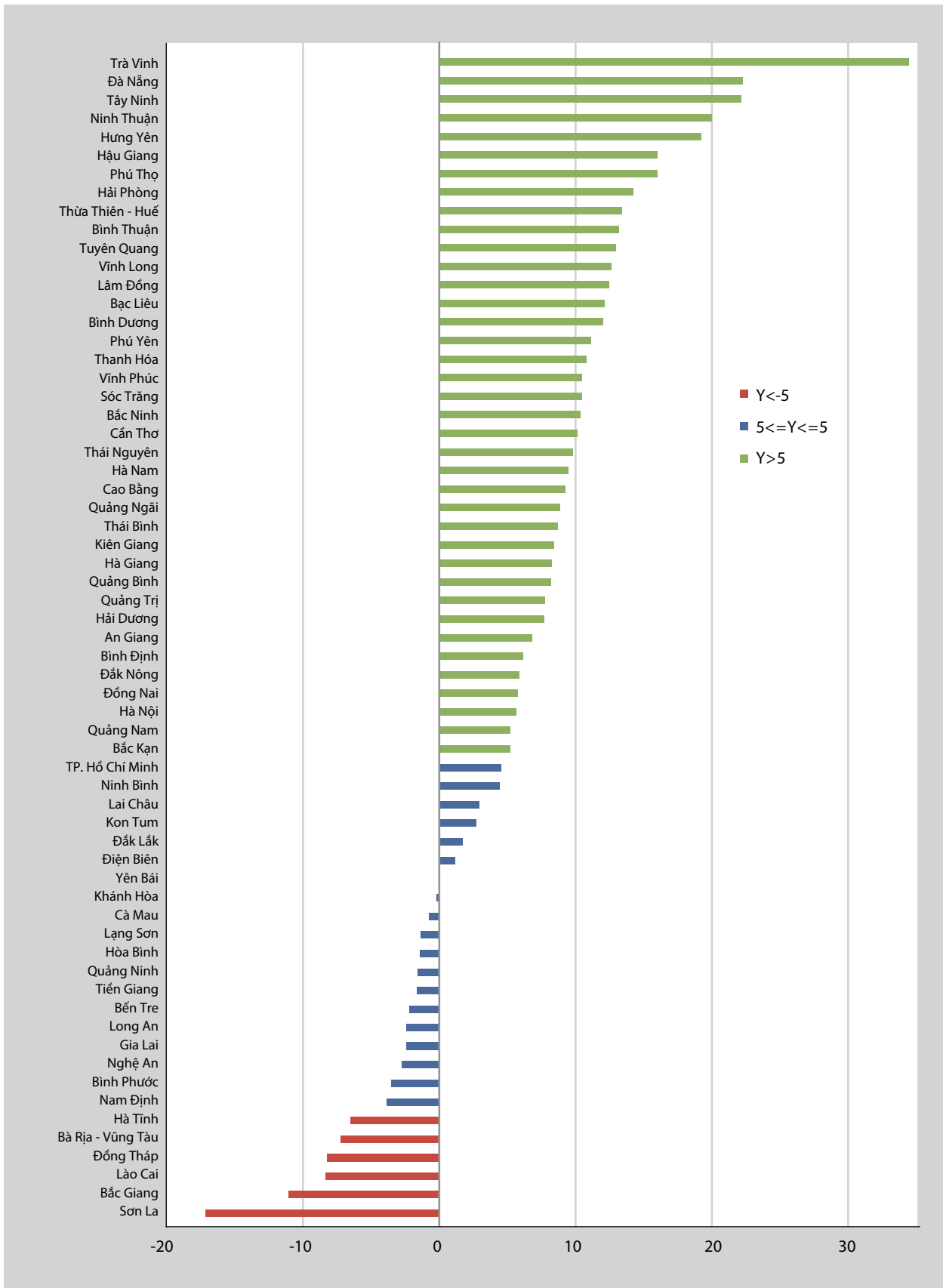
Đáng lưu ý, những địa phương đứng đầu bảng xếp hạng chung ở Trục nội dung 2 phần lớn là các tỉnh vùng Đông Bắc và miền Trung. Các tỉnh vùng Tây Bắc và Tây Nam Bộ dường như tập trung nhiều ở nhóm trung bình thấp hoặc thấp nhất. Bản đồ 3.2 thể hiện sự tập trung vùng, miền tương đối rõ nét ở Trục nội dung 2 theo bốn nhóm hiệu quả về đảm bảo công khai, minh bạch.

Những thay đổi ghi nhận được qua ba năm từ 2011 đến 2013 ở cấp tỉnh ở Trục nội dung 2 là đáng kể nhất trong Chỉ số PAPI 2013 (xem Biểu đồ 3.2b). So với năm 2011, điểm số của 15 tỉnh/thành phố gia tăng trên 15%. Trà Vinh là địa phương có mức gia tăng điểm đáng kể nhất tới trên 35%. Sau Trà Vinh, Đà Nẵng và Tây Ninh là hai địa phương có mức tăng điểm mạnh (+22% điểm). Nhìn chung, có tới 38 tỉnh/thành phố đạt mức gia tăng điểm hơn 5%. Chỉ có sáu địa phương có sự giảm sút điểm trên 5%, trong đó Sơn La giảm mạnh nhất (-17%), tiếp đến là Bắc Giang (-11%). Khoảng 30% các tỉnh/thành phố hầu như không có thay đổi về điểm, với mức thay đổi không đáng kể trong khoảng  $\pm 5\%$ . Điểm số ở Trục nội dung 2 của TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội tăng không đáng kể ở mức tương ứng là 4,5% và 5,6%.

**Biểu đồ 3.2a: Công khai, minh bạch (Trục nội dung 2)**



**Biểu đồ 3.2b: Thay đổi ở Trục nội dung 2 'Công khai, minh bạch' (% thay đổi – kết quả năm 2013 so với 2011)**



Ghi chú: Y = phần trăm (%) điểm thay đổi năm 2013 so với năm 2011, trong đó thay đổi ở mức ±5% điểm được xem là có ý nghĩa thống kê.

**Bảng 3.2: Danh mục chỉ số thành phần thuộc Trục nội dung 2 'Công khai, minh bạch'**

Trục nội dung, nội dung thành phần	Mô tả Trục nội dung, nội dung thành phần và các chỉ số thành phần	Câu hỏi khảo sát PAPI	Thang điểm		Điểm trung bình toàn quốc			PAPI 2013 (khoảng tin cậy 95%)		Điểm số PAPI 2013 cấp tỉnh		
			Tối thiểu	Tối đa	PAPI 2011	PAPI 2012	PAPI 2013	Thấp	Cao	Thước đo	Điểm số	Tỉnh/Thành phố
<b>Trục nội dung 2</b>	<b>Công khai, minh bạch</b>		<b>1</b>	<b>10</b>	<b>5,47</b>	<b>5,61</b>	<b>5,80</b>	<b>5,70</b>	<b>5,90</b>	<b>Thấp nhất</b>	<b>4,88</b>	<b>Bắc Giang</b>
										<b>Trung vị</b>	<b>5,86</b>	<b>Gia Lai</b>
										<b>Cao nhất</b>	<b>6,87</b>	<b>Quảng Bình</b>
<b>Nội dung thành phần 1</b>	<b>Danh sách hộ nghèo</b>		0,33	3,3	2,15	2,23	2,28	2,21	2,34	<b>Thấp nhất</b>	1,77	<b>Bắc Giang</b>
										<b>Trung vị</b>	2,38	<b>Hưng Yên</b>
										<b>Cao nhất</b>	2,86	<b>Thái Nguyên</b>
<b>Nội dung thành phần 2</b>	<b>Ngân sách cấp xã</b>		0,33	3,3	1,76	1,77	1,85	1,82	1,88	<b>Thấp nhất</b>	1,55	<b>Đông Tháp</b>
										<b>Trung vị</b>	1,85	<b>Cần Thơ</b>
										<b>Cao nhất</b>	2,47	<b>Quảng Bình</b>
<b>Nội dung thành phần 3</b>	<b>Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>		0,34	3,4	1,56	1,61	1,68	1,65	1,70	<b>Thấp nhất</b>	1,27	<b>Sơn La</b>
										<b>Trung vị</b>	1,64	<b>Tuyên Quang</b>
										<b>Cao nhất</b>	1,91	<b>Quảng Trị</b>
<b>1. Danh sách hộ nghèo</b>	Tỉ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua (%)	d202	0%	100%	53,55%	58,26%	58,32%	55,03%	61,61%	<b>Thấp nhất</b>	25,28%	<b>Đông Nai</b>
										<b>Trung vị</b>	65,85%	<b>Trà Vinh</b>
										<b>Cao nhất</b>	90,86%	<b>Quảng Nam</b>
<b>1. Danh sách hộ nghèo</b>	Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng)	d202a	0%	100%	39,85%	37,04%	35,21%	31,46%	38,95%	<b>Thấp nhất</b>	6,91%	<b>Thái Nguyên</b>
										<b>Trung vị</b>	33,95%	<b>Tây Ninh</b>
										<b>Cao nhất</b>	62,35%	<b>Khánh Hòa</b>
<b>1. Danh sách hộ nghèo</b>	Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng)	d202b	0%	100%	34,66%	34,11%	32,24%	28,02%	36,47%	<b>Thấp nhất</b>	6,33%	<b>Thái Nguyên</b>
										<b>Trung vị</b>	32,70%	<b>Gia Lai</b>
										<b>Cao nhất</b>	77,22%	<b>Bắc Giang</b>
<b>2. Ngân sách cấp xã</b>	Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai (%)	d203	0%	100%	29,80%	34,12%	37,38%	34,26%	40,49%	<b>Thấp nhất</b>	10,71%	<b>An Giang</b>
										<b>Trung vị</b>	44,77%	<b>Hậu Giang</b>
										<b>Cao nhất</b>	76,73%	<b>Thái Bình</b>
<b>2. Ngân sách cấp xã</b>	Người dân đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (%)	d203a	0%	100%	37,38%	34,07%	34,23%	31,50%	36,96%	<b>Thấp nhất</b>	7,86%	<b>Đông Tháp</b>
										<b>Trung vị</b>	32,84%	<b>Lào Cai</b>
										<b>Cao nhất</b>	73,93%	<b>Bình Dương</b>
<b>2. Ngân sách cấp xã</b>	Người dân tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố (%)	d203b	0%	100%	69,66%	73,34%	74,04%	71,17%	76,92%	<b>Thấp nhất</b>	39,73%	<b>Bắc Giang</b>
										<b>Trung vị</b>	73,19%	<b>Gia Lai</b>
										<b>Cao nhất</b>	97,04%	<b>Hải Phòng</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của xã/phường (%)	d204	0%	100%	19,99%	19,61%	20,82%	18,49%	23,16%	<b>Thấp nhất</b>	1,63%	<b>Bắc Giang</b>
										<b>Trung vị</b>	19,68%	<b>Quảng Ngãi</b>
										<b>Cao nhất</b>	49,16%	<b>BRVT</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã/phường (%)	d205	0%	100%	6,19%	6,49%	7,00%	5,71%	8,28%	<b>Thấp nhất</b>	0,06%	<b>Bắc Giang</b>
										<b>Trung vị</b>	6,38%	<b>Phủ Thọ</b>
										<b>Cao nhất</b>	17,97%	<b>Hà Nam</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (%)	d205a	0%	100%	81,12%	82,65%	86,77%	81,87%	91,67%	<b>Thấp nhất</b>	19,87%	<b>Lai Châu</b>
										<b>Trung vị</b>	92,62%	<b>Đắk Nông</b>
										<b>Cao nhất</b>	100%	<b>Bình Dương</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (1=Không có ảnh hưởng gì, 2=Bất lợi; 3=Có lợi)	d206	1	3	2,05	2,09	2,04	2,00	2,08	<b>Thấp nhất</b>	1,44	<b>Lai Châu</b>
										<b>Trung vị</b>	2,03	<b>Bắc Kan</b>
										<b>Cao nhất</b>	2,50	<b>Gia Lai</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây (%)	d207	0%	100%	71,38%	74,91%	76,21%	73,04%	79,38%	<b>Thấp nhất</b>	33,45%	<b>Sơn La</b>
										<b>Trung vị</b>	72,56%	<b>Bình Thuận</b>
										<b>Cao nhất</b>	93,52%	<b>An Giang</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường (%)	d207a	0%	100%	12,86%	17,96%	18,84%	14,05%	23,64%	<b>Thấp nhất</b>	0,00%	<b>Sóc Trăng</b>
										<b>Trung vị</b>	13,40%	<b>Ninh Bình</b>
										<b>Cao nhất</b>	40,82%	<b>Hưng Yên</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất (%)	d207c	0%	100%	93,12%	90,66%	92,89%	90,11%	95,68%	<b>Thấp nhất</b>	33,44%	<b>Cao Bằng</b>
										<b>Trung vị</b>	98,17%	<b>Quảng Bình</b>
										<b>Cao nhất</b>	100%	<b>Quảng Trị</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu (%)	d207d	0%	100%	85,40%	82,64%	85,23%	80,57%	89,90%	<b>Thấp nhất</b>	31,39%	<b>Cao Bằng</b>
										<b>Trung vị</b>	92,21%	<b>Bắc Ninh</b>
										<b>Cao nhất</b>	100%	<b>Điện Biên</b>
<b>3. Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất và giá đền bù đất</b>	Biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương (%)	d208	0%	100%	38,25%	42,76%	49,85%	47,13%	52,58%	<b>Thấp nhất</b>	18,42%	<b>Đông Tháp</b>
										<b>Trung vị</b>	48,06%	<b>Phủ Thọ</b>
										<b>Cao nhất</b>	76,16%	<b>Quảng Bình</b>

(\*) Tối thiểu = Điểm số thấp nhất của mẫu; Tối đa = Điểm số cao nhất của mẫu

## Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo

**Kết quả khảo sát năm 2013 cho thấy, trên toàn quốc, có khoảng 58% số người được hỏi cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong khoảng thời gian 12 tháng trước thời điểm khảo sát.**

Chỉ tiêu thứ nhất về mức độ công khai danh sách hộ nghèo được thể hiện bằng tỉ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong khoảng thời gian 12 tháng trước thời điểm khảo sát. Kết quả khảo sát năm 2013 cho thấy, trên toàn quốc, có khoảng 58% số người được hỏi cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong một năm qua, tăng nhẹ so với tỉ lệ 53,6% của năm 2011. Ở cấp tỉnh, có tới 91% số người được hỏi ở Quảng Nam đồng tình với nhận định này, song tỉ lệ này ở Đồng Nai chỉ là 25,3%.

Hai chỉ tiêu còn lại phản ánh trải nghiệm của người dân về cách thức lập danh sách hộ nghèo ở xã/phường nơi họ cư trú, qua đó đánh giá mức độ công khai, minh bạch của cấp chính quyền cơ sở trong quá trình lập danh sách những hộ nghèo xứng đáng được hưởng chính sách trợ cấp hộ nghèo của nhà nước. Phát hiện nghiên cứu năm 2013 cho thấy dường như có sự cải thiện, mặc dù không đáng kể, ở chất lượng lập danh sách hộ nghèo nhờ có sự minh bạch hơn. Song, trên toàn quốc, vẫn có tới 35,2% số người được hỏi cho biết có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo, giảm không đáng kể từ xấp xỉ 40%

năm 2011. Ở Khánh Hòa, có tới 62% số người được hỏi cho biết có hiện tượng kê khai không đúng đối tượng hộ thực sự nghèo cần hỗ trợ, trong khi ở Thái Nguyên, chỉ có 7% số người được hỏi cho biết như vậy.

Ngược lại, cũng còn hiện tượng những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo, bởi có thể là do có mối quan hệ thân quen với người trong chính quyền. Trên toàn quốc, có khoảng 32% số người được hỏi cho biết có hiện tượng này xảy ra ở địa phương mình, giảm nhẹ so với tỉ lệ 35% từ kết quả khảo sát năm 2011. Ở Bắc Giang, 77% số người được hỏi cho biết có hiện tượng làm sai lệch nói trên, và tỉ lệ này ở Thái Nguyên chỉ có 6%.

Tỉ lệ người trả lời ở Thái Nguyên cho biết hai hình thức cố tình làm sai lệch danh sách hộ nghèo ở địa phương đều thấp lý giải tại sao Thái Nguyên dẫn đầu toàn quốc ở chỉ tiêu 'công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo, đạt 2,86 điểm. Tỉnh Bắc Giang đạt điểm thấp nhất với 1,77 điểm. Điểm trung bình toàn quốc là 2,28 điểm, cao hơn không đáng kể so với điểm của năm 2011 và 2012 (Xem Bảng 3.2).

## Công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã, phường

**Mức độ công khai thông tin thu chi ngân sách cấp xã được thể hiện qua việc chính quyền cơ sở có phổ biến thông tin đó tới người dân hay không. Trên phạm vi toàn quốc, khoảng 37,4% số người được hỏi cho biết thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai.**

Chỉ số nội dung thành phần này cho biết mức độ công khai, minh bạch trong thu, chi ngân sách cấp xã/phường, một trong những yêu cầu quan trọng của Pháp lệnh THDCCS đối với chính quyền cấp xã/phường phải tuân thủ để đảm bảo "quyền được biết". Khi người dân được thông tin đầy đủ về thu, chi ngân sách của xã/phường, người dân sẽ thực hiện được quyền tham gia giám sát cán bộ, công chức ở địa phương, đồng thời giúp phát hiện những hành vi lạm dụng công quỹ vào mục đích riêng của cán bộ chính quyền cơ sở.

Kết quả khảo sát năm 2013 cho thấy điểm của chỉ số thành phần này có tăng lên so với hai năm trước, thể hiện sự cải thiện tương đối trong việc công khai, minh bạch thu, chi ngân sách cấp xã/phường. Điểm số năm 2013 đạt 1,85 điểm trên thang điểm từ 0,33-3,33, tăng khoảng 5% so với năm 2011 và 2012. Quảng Bình là địa phương dẫn đầu ở chỉ số thành phần này với 2,47 điểm. Đồng Tháp đứng cuối bảng với 1,55 điểm.

Mức độ công khai thông tin thu chi ngân sách cấp xã được thể hiện qua việc chính quyền cơ sở có phổ biến thông tin đó tới người dân hay không. Trên phạm vi toàn quốc, khoảng 37,4% số người được hỏi cho biết thu chi ngân sách của

xã/phường được công bố công khai, cao hơn tỉ lệ 30% của khảo sát năm 2011 và 24% của khảo sát năm 2012. Thái Bình một lần nữa đứng đầu toàn quốc ở chỉ tiêu này, với 77% số người được hỏi cho biết chính quyền xã/phường đã công bố công khai thu chi ngân sách. An Giang là địa phương cuối bảng với tỉ lệ 10,7% số người đồng tình với nhận định này.

Với những người khẳng định chính quyền xã/phường đã công bố công khai thu chi ngân sách, khoảng 34% trong số đó cho biết họ đã từng đọc bảng kê thu, chi ngân sách của xã/phường được niêm yết công khai, tương đương với tỉ lệ của năm 2012 và thấp hơn so với tỉ lệ 37,4% của năm 2011. Gần 74% số người được hỏi ở Bình Dương cho biết đã đọc bảng kê, trong khi ở Đồng Tháp tỉ lệ này là 8%.

Trong số những người đã đọc bảng kê khai thu, chi ngân sách của xã/phường, 74% cho biết họ tin và tính chính xác của thông tin được công bố, tương đương với phát hiện của năm 2012. Phần lớn số người được hỏi ở Hải Phòng tin vào thông tin nhận được, trong khi đó chỉ có 40% số người được hỏi ở Bắc Giang cho rằng thông tin họ được tiếp cận là chính xác.

## Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất

Mặc dù trong năm 2013 không có các vụ việc mâu thuẫn lớn liên quan đến chính sách đền bù đất đai như năm 2012, các vấn đề xung quanh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu đất đai, tham nhũng và sai phạm trong quản lý đất đai vẫn là vấn đề được xã hội hết sức quan tâm. Trên thực tế, Luật đất đai sửa đổi năm 2013 được Quốc hội thông qua vào tháng 11 năm 2013 đã được tranh luận rất nhiều trong thời gian trước đó, khiến cho người dân quan tâm đặc biệt, đồng thời nhấn mạnh tính cấp thiết của việc theo dõi, giám sát mức độ công khai, minh bạch trong việc lập quy hoạch sử dụng đất và khung giá đất đến bù của các cấp chính quyền. Qua những chỉ báo cụ thể của Chỉ số PAPI, các cấp chính quyền địa phương có thể xem xét mức độ hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách về đất đai, đảm bảo công khai, minh bạch theo tinh thần của Pháp lệnh THĐCCS.

Như đã đề cập ở trên, chỉ số thành phần này có mức điểm thấp nhất trong số ba chỉ số thành phần cấu thành Trục nội dung 2, mặc dù điểm số trong năm 2013 đã tăng đến 1,68 điểm so với mức 1,56 điểm của năm 2011. Tỉnh Quảng Trị đứng đầu cả nước ở chỉ số thành phần này, với 1,91 điểm; tỉnh Sơn La đứng cuối bảng với 1,27 điểm.

Đáng lưu ý là hầu như không có sự cải thiện nào về mức độ công khai quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất ở xã/phường trong ba năm từ 2011 đến 2013 (xem Bảng 3.2, chỉ tiêu d204). Chỉ có 20,8% số người được hỏi trên toàn quốc cho biết họ có được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện nay của xã/phường nơi họ cư trú. Ở tỉnh Bắc Giang, chỉ có 1,6% số người được hỏi được biết thông tin này; và ở địa phương đứng đầu chỉ tiêu này, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cũng chưa tới 50% số người được hỏi cho biết họ đã được biết thông tin trên.

Trong số những người có thông tin về quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất ở địa phương, chỉ có một tỉ lệ nhỏ (7%) có cơ hội đóng góp ý kiến của mình trước khi quy hoạch/kế hoạch được ban hành, mặc dù cao hơn không đáng kể so với tỉ lệ 6,2% năm 2011 và 6,5% năm 2012. Hà Nam dẫn đầu toàn quốc ở chỉ tiêu này, song cũng chỉ có 18% những người được biết thông tin quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất cho biết họ đã đóng góp ý kiến cho bản quy hoạch/kế hoạch. Ở Bắc Giang, tỉ lệ này chỉ chiếm 0,06%.

Trong số những người có dịp đóng góp ý kiến, khoảng 87% cho biết ý kiến của họ được chính quyền địa phương tiếp thu. Tỉ lệ này cao hơn so với phát hiện của hai năm trước. Song, kết quả ở tiêu chí này rất khác nhau khi so sánh giữa các tỉnh/thành phố. Ở Bình Dương, 100% cho biết ý kiến của họ được tiếp thu, cách xa tỉ lệ 20% ở Lai Châu.

Trong ba năm qua, tác động của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình ở phạm vi toàn quốc gần như không thay đổi. Giá trị '1' có nghĩa là người trả lời cho biết hộ gia đình họ không chịu tác động nào của việc quy hoạch đất đai; giá trị '2' cho biết hộ gia đình của người trả lời chịu tác động bất lợi; và giá trị '3' có nghĩa là hộ gia đình được hưởng lợi từ quy hoạch mới. Giá trị trung bình toàn quốc năm 2013 là 2,04—có nghĩa tác động của quy hoạch đất gần đây nhất ở địa bàn ảnh hưởng bất lợi tới người dân, tương tự quan sát của năm 2011 và 2012. Người dân tỉnh Gia Lai dường như đánh giá tác động của quy hoạch đất đai theo hướng có lợi hơn (biểu thị qua giá trị 2,5 ở chỉ tiêu này), và người dân Lai Châu cho rằng tác động đến họ là không đáng kể (thể hiện qua giá trị 1,44 ở chỉ tiêu này).

Chỉ tiêu tiếp theo phản ánh tỉ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình họ không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây ở xã/phường. Khoảng 76% số người được hỏi trên toàn quốc cho biết hộ gia đình họ không bị thu hồi đất trong năm 2013. Tỉ lệ này ở An Giang là 94%, song ở Sơn La chỉ là 33,4%.

Giá đền bù là một trong những vấn đề bức xúc nhất đối với những hộ gia đình bị thu hồi đất. Trên phạm vi toàn quốc, chỉ có 18,8% số người trả lời thuộc những gia đình bị thu hồi đất hoặc biết trong xã/phường có hộ gia đình bị thu hồi đất cho biết giá đền bù xấp xỉ giá thị trường. Tỉ lệ này có thể cao hơn tương đối nhiều so với tỉ lệ 13% từ kết quả khảo sát năm 2011, song hầu như không đổi so với kết quả năm 2012. Ở Hưng Yên, tỉnh đứng đầu chỉ tiêu này, chỉ có 41% cho biết giá đền bù xấp xỉ giá thị trường.

Đa số (93%) người được hỏi thuộc những hộ gia đình bị thu hồi đất cho biết họ được thông báo về mục đích sử dụng mới của đất bị thu hồi, tương đồng với phát hiện của hai năm trước. Tuy nhiên, ở Cao Bằng, chỉ có khoảng 33% số người được hỏi cho biết hộ gia đình mình được thông báo. Có tới 85% số người được hỏi đến thuộc những hộ bị thu hồi đất cho biết đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng theo đúng mục đích quy hoạch lúc thu hồi. Đáng lưu ý ở chỉ tiêu này, tỉ lệ người dân thuộc những hộ gia đình bị thu hồi đất ở các tỉnh miền núi phía Bắc cao ý kiến rất khác nhau: 100% ở Điện Biên cao hơn nhiều so với 33,4% ở Cao Bằng.

Khi được hỏi về việc nếu muốn biết về bảng giá đất được chính quyền địa phương ban hành hiện nay thì người dân có thể đến đâu để tìm hiểu, khoảng 50% số người được hỏi trên toàn quốc nêu được nơi họ cần đến, tăng tương đối đáng kể so với tỉ lệ 38% năm 2011 và 43% năm 2012. Ở Quảng Bình, tỉ lệ này là 76,16%, cao hơn nhiều so với tỉ lệ 18% ở Đồng Tháp.

*Chỉ có 20,8% số người được hỏi trên toàn quốc cho biết họ có được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện nay của xã/phường nơi họ cư trú.*

*Trên phạm vi toàn quốc, chỉ có 18,8% số người trả lời thuộc những gia đình bị thu hồi đất hoặc biết trong xã/phường có hộ gia đình bị thu hồi đất cho biết giá đền bù xấp xỉ giá thị trường.*